TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CT** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thinh.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Mai Trần Phúc
2/ Ông Lâm Minh Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim P - sinh năm 1983 (vắng mặt)
Trú quán: Tổ 8, ấp BC, xã BG, huyện CT, tỉnh TN.

Bị đơn: Anh Trần Xuân L - sinh năm 1982 (vắng mặt)
Trú quán: Tổ 8, ấp BC, xã BG, huyện CT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Kim P trình bày: Chị và anh Trần Xuân L chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BG, huyện CT, tỉnh TN. Vợ chồng sống chung đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến hay cãi nhau, năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, anh L bỏ đi thành phố Hồ Chí Minh sống, lâu lâu về thăm con từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng để cho con đi học, ngoài ra không lo gì cho gia đình, gia đình hai bên có khuyên nhưng vợ chồng không hàn gắn được, nay tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Thị Bích D - sinh năm 2008, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung**:** Không nợ

Tại lời khai ngày 29 tháng 3 năm 2019 bị đơn anh Trần Xuân L trình bày: Anh và chị P chung sống với nhau và đăng ký kết hôn như chị P trình bày là đúng, vợ chồng sống chung không có gì mâu thuẫn, do chị P nói với anh là không còn tình cảm với anh muốn ly hôn với anh, nên gần một năm nay anh đi thành phố Hồ Chí Minh phụ em của anh buôn bán, anh thường xuyên về thăm gia đình, anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, nếu ly hôn anh giao con cho vợ nuôi con.

Về con chung: Có 01 con chung như chị P khai, nếu ly hôn anh đồng ý giao con cho chị P nuôi.

Tài sản chung, Không yêu cầu giải q uyết; nợ chung: Không nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P. Con chung giao cho chị P nuôi con, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị P không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung khai không có không yêu cầu; chị P phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Kim P là nguyên đơn và anh Trần Xuân L là bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên cần áp dụng vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị P và anh L.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim P và anh Trần Xuân L chung sống với nhau vào năm 2007, đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 01 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã BG, huyện CT, tỉnh TN, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình vợ chồng sống chung đến năm 2017 theo chị P thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2018 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, anh L cho rằng vợ chồng không mâu thuẫn mà chị P nói với anh là không còn tình cảm với anh L là không đúng. Vì giữa chị P và anh L có mâu thuẫn không hàn gắn được, nên năm 2018 anh L đi làm phụ buôn bán với người em ở Thành phố Hồ Chí Minh, anh L không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, giữa chị P và anh L không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là có cơ sở phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị P và anh L thống nhất có 01 con chung tên Trần Thị Bích D - sinh ngày 13/01/2008, chị P yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; ý kiến của anh L nếu ly hôn anh đồng ý giao cho chị P nuôi con. Qua hỏi nguyện vọng của cháu D, cháu có nguyện vọng được sống với chị P, nên cần giao cháu D cho chị P nuôi dưỡng là có cơ sở phù hợp.

Ghi nhận chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền ngăn cản.

[4]. Tài sản chung: Chị P, anh L không yêu cầu giải quyết, nợ chung khai không có, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị P phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim P đối với anh Trần Xuân L.

Chị Trần Thị Kim P và anh Trần Xuân L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Kim P tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung Trần Thị Bích D - sinh ngày 13/01/2008.

Ghi nhận chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền ngăn cản.

3. Tài sản chung: Chị P và anh L không yêu cầu giải quyết, nợ chung khai không nợ nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019487 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị P đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã BG, huyện CT, tỉnh TN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh**;**
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Biên Giới;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

Nguyễn Thị Thinh

Các Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**